

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 10-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH TH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và ông Lê Hữu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Th Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quốc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Th - sinh năm 1991.

HKTT: Xã T, huyện T, tỉnh Th Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn 3, Xã T, huyện T, tỉnh Th Hóa.

2- Bị đơn: Anh Lê Văn T - sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn 1, Xã T, huyện T, tỉnh Th Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt: Chị Th, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2022, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Th trình bày và đề nghị: Chị và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 2 năm 2012 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân Xã T, huyện T, tỉnh Th Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh P được khoảng 6 năm, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, kinh tế khó khăn, anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ và nhiều lần đánh chị, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát. Gia đình hai bên hòa giải khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể sống được với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Chị về nhà bố mẹ đẻ tại

Thôn 3, Xã T, huyện T, tỉnh Th Hóa sinh sống. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Th Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Lê Thị Lan H sinh ngày 09/9/2012 và cháu Lê Đức P sinh ngày 04/4/2016. Các cháu khỏe mạnh, phát triển tốt, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Trong thời gian sống ly thân, có thời gian các cháu ở với mẹ, có thời gian các cháu ở với bố. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 cháu Lan H và Đức P. Trước đây, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/1cháu/tháng nhưng nay chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm công nhân tại công ty ADIANA xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Th Hóa, thu nhập bình quân đã là 6.500.000/tháng, có đủ khả năng để chăm sóc và nuôi dưỡng con. Hiện tại chị đang sống cùng nhà với mẹ đẻ tại thôn 3, Xã T, huyện T, tỉnh Th Hóa. Mẹ chị tạo điều kiện về nơi ở cho mẹ con và giúp đỡ chị trong việc chăm sóc và đưa đón cháu đi học.

Về T sản và nợ: Chị Th trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 29 tháng 7 năm 2022, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Văn T trình bày: Anh và chị Hoàng Thị Th đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 2 năm 2012 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân Xã T, huyện T tỉnh Th Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hòa thuận hạnh P. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, do kinh tế gia đình gặp khó khăn, chị Th thường xuyên sử dụng điện thoại nhắn tin với bạn trai, anh nhắc nhở nhiều lần nhưng chị Th không sửa đổi. Đến ngày 26/6/2022 vợ chồng mâu thuẫn, anh không giữ được bình tĩnh có tát chị Th. Chị Th về nhà bố mẹ đẻ Thôn 3, Xã T, huyện T, tỉnh Th Hóa để sinh sống. Anh nhận thấy chưa quan tâm nhiều đến vợ, anh đã xin lỗi vợ và sẽ sửa chữa những thiếu sót, sai lầm của mình. Anh mong muốn chị Th thông cảm và suy nghĩ rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh P, cùng nhau lo kinh tế để nuôi dạy các con nên người nên chị Th xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Lê Thị Lan H sinh ngày 09/9/2012 và cháu Lê Đức P sinh ngày 04/4/2016. Hiện tại các cháu đang ở với anh. Các cháu khỏe mạnh, phát triển tốt, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Nếu trong trường hợp phải ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh làm cho công ty TNHH Tiến Bình tại xã Đông Quang, huyện Đông Sơn thu nhập bình quân 15.000.000đ/ tháng, có đủ khả năng để chăm sóc và nuôi dưỡng con. Đầu năm 2022, anh làm 01 ngôi nhà xây tường lợp lá cọ trên đất mượn của bố mẹ tại Thôn 1, Xã T, huyện T, tiền làm nhà anh vay mượn riêng không phải T sản chung của vợ chồng.

Về T sản và nợ: Trước khi mở phiên tòa, anh T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, anh T đề nghị Tòa án giải quyết một số khoản nợ vợ chồng vay chưa trả.

3 - Biên bản xác minh ngày 09 tháng 9 năm 2022, đại diện UBND Xã T, huyện T, tỉnh Th Hóa cung cấp: Chị Hoàng Thị Th và anh Lê Văn T kết hôn với nhau ngày 01/2/2012, quá trình chung sống chị Th và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Chị Th về nhà mẹ đẻ ở thôn 3 xã Thọ Thế để sinh sống. Anh T vẫn ở thôn 1 xã Thọ Tân. Chị Th và anh T có 02 con chung cháu Lê Thị Lan H sinh ngày 09/9/2012 và cháu Lê Đức P sinh ngày 04/4/2016. Hiện nay các cháu đang ở với anh T. Các cháu ngoan, khỏe mạnh, đi học đầy đủ, không bị bạo hành. Anh T và chị Th có sức khỏe, có việc làm và thu nhập, có điều kiện nuôi con, không vi phạm pháp luật.

4 - Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Th Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự cung cấp T liệu chứng cứ cho Tòa án, tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51,56 về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, xử cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung áp dụng Điều 81,82,83 LHNGĐ: Giao cháu Lê Thị Lan H cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Đức P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về T sản và nợ: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ. Do không thể bổ sung người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng nên giành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Th khởi kiện xin ly hôn anh T cư trú tại Xã T, huyện T, tỉnh Th Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Th và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân Xã T, huyện T, tỉnh Th Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 quyển số 01 ngày 01 tháng 02 năm 2012 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, áp lực về kinh tế gia đình, vợ chồng không còn tin tưởng nhau dẫn đến phải sống ly thân mỗi người một nơi, cuộc sống của ai người đó tự lo. Tại phiên tòa, chị Th vẫn tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ và cũng đã xin lỗi chị Th nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Tòa án cũng đã tiến hành hoà giải nhiều lần mà vợ chồng vẫn không thể

đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, xử cho chị được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị Th và anh T có 02 con chung là cháu Lê Thị Lan H sinh ngày 09/9/2012 và cháu Lê Đức P sinh ngày 04/4/2016. Các cháu ngoan, khỏe mạnh, đi học đầy đủ, không bị bạo hành. Anh T và chị Th đều có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự.

Xét điều kiện nuôi con: Chị Th và anh T đều có nghề nghiệp, thu nhập, sức khỏe tốt, không có vi phạm pháp luật, có đủ điều kiện nuôi con. Nếu giao cả hai cháu cho một người nuôi dưỡng sẽ gặp nhiều khó khăn về kinh tế cũng như điều kiện chăm sóc các cháu. Vì vậy, giao mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. Cháu Lan H là con gái có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cho chị Th nuôi dưỡng, anh T tiếp tục nuôi cháu P, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu một bên không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên còn lại có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về T sản và nợ: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ. Do không thể bổ sung người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng nên giành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Xử cho chị Hoàng Thị Th được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Chị Th và anh T có 02 con chung: Cháu Lê Thị Lan H sinh ngày 09/9/2012 và cháu Lê Đức P sinh ngày 04/4/2016.

Giao cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Lan H. Giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Đức P, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Th và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về T sản và nợ chung: Giành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0015876 ngày 13/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị Th đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Th Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND. xã Thọ Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu